

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH ĐẮK LẮK
PHÒNG QLĐT & NCKH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

Đắk Lắk, ngày 03 tháng 6 năm 2025

ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần D.I: Quản lý hành chính nhà nước

Lớp Trung cấp lý luận chính trị hệ không tập trung K33A, khóa học 2024 - 2026

Số học viên: 77 học viên

Sbd	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm số	Điểm chữ
1	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	14/02/1984	8,50	Tám phẩy năm
2	Phan Thị Lệ	Anh	03/02/1977	8,50	Tám phẩy năm
3	Vi Văn	Chữ	19/02/1987	8,00	Tám
4	Nguyễn Bá	Công	04/02/1988	8,00	Tám
5	Trần Sỹ	Cung	02/02/1978	8,00	Tám
6	Cao Thị Tiến	Dâng	18/6/1987	8,00	Tám
7	Nguyễn Anh	Đăng	10/12/1986	8,00	Tám
8	Huỳnh Tấn	Danh	29/02/1988	8,00	Tám
9	Vũ Thị	Đào	11/8/1991	8,50	Tám phẩy năm
10	Nguyễn Thị Tiến	Đến	20/8/1991	8,25	Tám phẩy hai năm
11	Nguyễn Ngọc	Diệp	26/10/1990	8,00	Tám
12	Đặng Xuân	Đông	10/02/1984	8,00	Tám
13	Lâm Quang	Dũng	03/5/1986	8,00	Tám
14	Đỗ Đình	Duy	04/12/1982	7,50	Bảy phẩy năm
15	Nguyễn Văn	Duy	12/12/1989	7,50	Bảy phẩy năm
16	Phạm Thị Minh	Duy	16/3/1983	8,00	Tám
17	Phan Thị Mỹ	Duyên	24/4/1988	8,00	Tám



Sbd	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm số	Điểm chữ
18	Nguyễn Vĩnh	Hàng	10/7/1988	7,75	Bảy phẩy bảy năm
19	Vi Thị	Hằng	21/7/1989	8,00	Tám
20	Trần Thị Mỹ	Hạnh	07/3/1988	8,50	Tám phẩy năm
21	Vũ Thị	Hiền	23/02/1979	8,25	Tám phẩy hai năm
22	Lương Thị Kim	Hiệp	10/11/1990	8,25	Tám phẩy hai năm
23	Hồ Thị	Hồng	29/12/1990	8,50	Tám phẩy năm
24	Trần Thị Thành	Huế	12/7/1985	8,25	Tám phẩy hai năm
25	Nguyễn Công	Hùng	20/01/1974	8,25	Tám phẩy hai năm
26	Lê Hoàng	Huy	09/12/1982	8,00	Tám
27	Phan Thị	Lài	16/7/1990	8,00	Tám
28	Phạm Hương	Lan	11/02/1974	8,00	Tám
29	Nguyễn Thị Kim	Liên	06/12/1990	8,00	Tám
30	Phạm Thị	Luật	05/5/1972	Bảo lưu	
31	Trương Thị Hiền	Lương	03/10/1989	7,50	Bảy phẩy năm
32	Nông Thị	Mè	05/10/1990	7,50	Bảy phẩy năm
33	Lê Tấn	Minh	21/02/1986	7,75	Bảy phẩy bảy năm:
34	Phạm Bá	Minh	24/02/1988	7,25	Bảy phẩy hai năm
35	Tạ Diệu	Minh	16/02/1987	7,75	Bảy phẩy bảy năm
36	Trương Đức	Minh	14/10/1985	7,75	Bảy phẩy bảy năm
37	Y Phương	Mlô	30/3/1988	7,75	Bảy phẩy bảy năm
38	Dương	Nam	19/6/1985	8,00	Tám
39	Nguyễn Thị	Nét	27/05/1987	8,50	Tám phẩy năm

SẢN
CỦA
CỘNG HÒA
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Sbd	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm số	Điểm chữ
40	Nguyễn Đình	Ngọc	28/6/1982	8,00	Tám
41	Trịnh Phạm Quốc	Ngọc	18/10/1984	7,75	Bảy phẩy bảy năm
42	Hoàng Hữu	Nguyên	15/5/1988	7,75	Bảy phẩy bảy năm
43	H Yang	Niê	25/12/1987	7,50	Bảy phẩy năm
44	Y Thép	Niê	10/5/1982	7,00	Bảy
45	Lê Sỹ	Phú	23/02/1981	7,75	Bảy phẩy bảy năm
46	Phan Văn	Phúc	20/02/1985	7,75	Bảy phẩy bảy năm
47	Nguyễn Danh	Phương	03/10/1988	8,00	Tám
48	Lý Thế	Quân	11/11/1977	8,00	Tám
49	Nguyễn Văn	Son	17/4/1982	7,50	Bảy phẩy năm
50	Lê Minh	Son	01/8/1985	8,50	Tám phẩy năm
51	Bùi Thị	Thành	05/9/1986	8,50	Tám phẩy năm
52	Đỗ Ngọc	Thành	18/10/1989	Bảo lưu	
53	Nguyễn Văn	Thành	28/10/1981	8,50	Tám phẩy năm
54	Trương Văn	Thành	11/7/1975	8,50	Tám phẩy năm
55	Đặng Thị Phương	Thảo	02/3/1985	7,75	Bảy phẩy bảy năm.
56	Đinh Thị Hằng	Thảo	27/5/1991	8,00	Tám
57	Phan Nhật	Thảo	10/12/1991	8,00	Tám
58	Võ Hồng	Thính	04/02/1983	8,00	Tám
59	Trần Hữu	Thịnh	03/12/1987	8,00	Tám
60	Lữ Thị Minh	Thư	15/12/1986	8,00	Tám
61	Ninh Duy	Thường	09/3/1989	8,00	Tám

Sbd	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm số	Điểm chữ
62	Trịnh Thị Thuý		20/01/1983	8,50	Tám phẩy năm
63	Trần Thanh Trung		21/7/1983	7,75	Bảy phẩy bảy năm
64	Vương Hữu Trung		14/8/1981	8,00	Tám
65	Đỗ Văn Trương		23/10/1986	7,75	Bảy phẩy bảy năm
66	Đinh Xuân Trường		11/7/1978	7,75	Bảy phẩy bảy năm
67	Trương Đắc Tú		09/5/1983	Bảo lưu	
68	Đỗ Minh Tuấn		01/02/1988	8,00	Tám
69	Võ Đình Thanh Tuấn		17/4/1978	8,00	Tám
70	Võ Thanh Tuấn		20/6/1982	8,00	Tám
71	Bùi Thị Mỹ Tuyền		08/01/1984	8,00	Tám
72	Huỳnh Nữ Phương Uyên		30/4/1981	7,75	Bảy phẩy bảy năm
73	Hồ Thị Vinh		11/3/1985	7,50	Bảy phẩy năm
74	Lê Vũ Vương		24/4/1980	8,00	Tám
75	Nguyễn Hữu Vương		30/11/1983	7,00	Bảy
76	Nguyễn Thị Yên		07/7/1990	8,00	Tám
77	Nguyễn Thị Thanh Yên		07/02/1984	8,00	Tám

NGƯỜI NHẬP ĐIỂM

ThS. Lê Thị Thu

T/L HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG QLĐT&NCKH



TS. Lê Duyên Hà